

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc vào
ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam (PKF) – Chi nhánh tại Đà Nẵng đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở để đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Việc xem xét và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

Công ty TNHH một thành viên thủy sản An là công ty con do Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước thành lập và góp 100% vốn với vốn điều lệ theo giấy phép đăng ký kinh doanh là 5.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước mới chỉ chuyển 200.000.000 đồng cho Công ty TNHH thủy sản An.

Trong năm 2009, Công ty đã phát hành cổ phiếu với tổng giá trị 17.376.950.000 đồng nhưng chưa được Ủy Ban Chứng khoán chấp thuận và đã ghi nhận khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu như một khoản phải trả cho đến khi hoàn tất các thủ tục tăng vốn.

TRỤ SỞ CHÍNH TẠI HÀ NỘI

Số 45 Lô 6 - Đường Trung Yên 14
Khu ĐTM Trung Yên - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 04.3783 3911/12/13 - Fax: 04.3783 3914
E-mail: hn@pkf.com.vn - Website: www.pkf.com.vn

CHI NHÁNH TẠI TP HỒ CHÍ MINH

Số 208 - Đường Nguyễn Trọng Tuyển
Phường 8 - Q. Phú Nhuận - TP Hồ Chí Minh
Tel: 08.5449 1476/477 - Fax: 08.5449 1475
Email: hcm@pkf.com.vn - Website: www.pkf.com.vn

CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG

Số 10 Hải Phòng - Q. Hải Châu - TP Đà Nẵng
Tel/Fax: 0511.3.531 399
Email: dn@pkf.com.vn - Website: www.pkf.com.vn



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, tùy thuộc vào sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Đà Nẵng về vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước và Công ty Cổ phần Thủy sản An, ngoại trừ những ảnh hưởng của những hạn chế nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam (PKF)
Chi nhánh tại Đà Nẵng



Phan Thị Minh Hiền
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0115/KTV

Bùi Văn Vương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0780/KTV



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty thủy sản và thương mại Thuận Phước, chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3203001489 đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 29/06/2007, thay đổi lần thứ 1 ngày 07/05/2008 do Sơ kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh, nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ.
- Nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, công nghệ, phương tiện giao thông vận tải và hàng tiêu dung.
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, đại lý ký gửi, mua bán hàng hoá, dịch vụ hậu cần nghề cá. Sản xuất bia rượu, nước giải khát các loại.
- Cung cấp, lắp đặt thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp điện lạnh và công nghệ thực phẩm. Xây dựng công nghiệp, dân dụng. Kinh doanh bất động sản. Đào tạo nghề ngắn hạn.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KỶ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm: Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ được Công ty sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính: nguyên tắc giá gốc.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: chứng từ ghi sổ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và công bố Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1, 2 và 3). Hướng dẫn chi tiết thi hành các quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua và có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng và chi phí vận chuyển để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí bán hàng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

<i>Loại tài sản cố định:</i>	<i>Thời gian (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	06-20 năm
Máy móc thiết bị	02-12 năm
Phương tiện vận tải - truyền dẫn	08-13 năm
Thiết bị văn phòng	02-07 năm

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm vi tính được trích khấu hao trong 2 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 10 triệu đồng) và được phân bổ hàng quý theo thời gian sử dụng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và trích lập dự phòng

Đối với các khoản dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp

Khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích và hạch toán theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành

Việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Đối với các hợp đồng xuất bán hàng cho nước ngoài: hàng hoá đã giao qua mạn tàu; Đối với các hợp đồng xuất bán trong nước: hàng hoá đã chuyển quyền sở hữu theo hợp đồng bán hàng.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu đối với hoạt động khác được ghi nhận khi có thanh lý hợp đồng và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá và được xác định theo số thực tế phát sinh.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là khoản lãi vay phải trả trong năm tài chính (được xác định trên cơ sở thời gian vay nhân (x) với giá trị khoản vay nhân (x) với lãi suất đi vay) và chênh lệch tỷ giá theo thực tế phát sinh.

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty trong năm tài chính 2009 là 25%. Năm 2009, Công ty được giảm 50% thuế TNDN và phần được giảm này được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Các chi tiêu dưới đây được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND)

01 Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	(i) 68.142.501	76.739.658
- Tiền gửi ngân hàng	(ii) 16.635.367.278	8.883.388.852
Tổng cộng	16.703.509.779	8.960.128.510
 (i) Số tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2009 bao gồm:		
	USD	VND
- Đồng Việt Nam	-	68.142.501
- Đồng USD	-	-
Tổng cộng	-	68.142.501
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2009 bao gồm:		
	Ngoại tệ	VND
Ngân hàng Ngoại thương ĐN		
+ Tiền gửi VND		1.422.685.182
+ Tiền USD		
+ Tiền JPY	145.907,01	2.617.717.666
Ngân hàng Eximbank	31.640,00	6.432.096
+ Tiền gửi VND		9.975.158
+ Tiền USD	2.089,60	37.489.514
Ngân hàng NN&PTNT ĐN		
+ Tiền gửi VND		33.546.488
+ Tiền USD	604,07	10.837.620
Ngân hàng Quân đội - Tp ĐN		
+ Tiền gửi VND		13.342.078
+ Tiền USD	552.678,93	9.915.612.683
Ngân hàng Á Châu - Tp ĐN		
+ Tiền gửi VND		96.176.647
+ Tiền USD	213,38	3.828.251,00
Ngân hàng Kỹ Thương - Tp ĐN		
+ Tiền gửi VND		4.888.304,00
+ Tiền USD	734,04	13.169.417
Ngân hàng Công Thương - Tp ĐN		
+ Tiền gửi VND		1.474.134
+ Tiền USD	1.418,75	25.453.794
Ngân hàng Sài Gòn thương tín - CN Đà Nẵng		
+ Tiền gửi VND		234.226.656
+ Tiền USD	2.478,45	44.465.871
Ngân hàng Đông Á - Tp ĐN		
+ Tiền gửi VND		6.585.216
+ Tiền USD	102,42	1.837.517

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Ngân hàng Hàng Hải - Tp Đà Nẵng		572.711
	Ngân hàng Đầu tư Việt Nam - CNDN		1.364.179
	Ngân hàng Phát triển Tp Đà Nẵng		1.500.000.000
	Cty Chứng khoán Đà Nẵng		633.686.096
	Tổng cộng	-	16.635.367.278
02	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	8.541.539.100	-
	Tổng cộng	8.541.539.100	-
03	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải thu về cổ phần hoá	2.117.784.754	2.117.784.754
	Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
	Phải thu người lao động		
	Phải thu về cổ tức trả trước năm 2007		
	Phải thu BHXH + YT	386.910.020	
	Phải thu khác		12.211.000
	Tổng cộng	2.504.694.774	2.129.995.754
04	Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên liệu, vật liệu	16.593.157.096	3.989.476.234
	Công cụ, dụng cụ	5.467.297.059	5.214.291.826
	Thành phẩm	39.519.374.867	76.679.410.463
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	61.579.829.022	85.883.178.523
05	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
	Thuế TNDN nộp thừa		28.327.307
	Thuế XNK		521.640.667
	Tổng cộng	-	549.967.974



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
Địa chỉ : Khu CNDV Thủy sản Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

08 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Số dư đầu năm		34.073.212.268	44.168.491.452	19.489.822.650	3.126.757.964	100.858.284.334
- Mua trong năm		66.440.800	3.179.620.918	960.143.714	55.591.035	4.261.796.467
- Tăng khác						
- Giảm do thanh lý		706.195.567	10.000.000		56.916.714	773.112.281
- Giảm khác						
Số dư cuối năm		33.433.457.501	47.338.112.370	20.449.966.364	3.125.432.285	104.346.968.520
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		3.141.898.529	7.477.221.047	3.850.667.274	1.199.181.360	15.668.968.210
- Khấu hao trong năm		2.099.268.143	4.094.656.156	1.712.091.839	557.346.442	8.463.362.580
- Giảm do thanh lý		213.043.743			24.375.292	237.419.035
- Giảm khác						
Số dư cuối năm		5.028.122.929	11.571.877.203	5.562.759.113	1.732.152.510	23.894.911.755
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm		30.931.313.739	36.691.270.405	15.639.155.376	1.927.576.604	85.189.316.124
Tại ngày cuối năm		28.405.334.572	35.766.235.167	14.887.207.251	1.393.279.775	80.452.056.765

Ghi chú :

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay : 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm khấu hao hết nhưng còn sử dụng : 858.209.459 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý : 0

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
Địa chỉ : Khu CNDV Thủy sản Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Số dư đầu năm					30.584.200	30.584.200
- Mua trong năm						
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Giảm do thanh lý						
- Giảm khác (*)						
Số dư cuối năm						
Giá trị hao mòn lũy kế					30.584.200	30.584.200
Số dư đầu năm					3.823.025	3.823.025
- Khấu hao trong năm					15.292.100	15.292.100
- Giảm do thanh lý						
- Giảm khác (*)						
Số dư cuối năm					19.115.125	19.115.125
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm					26.761.175	26.761.175
Tại ngày cuối năm					11.469.075	11.469.075

11

Chi phí XDCB dở dang
Tổng chi phí XDCB dở dang
Trong đó các công trình lớn:
+ Công trình XD nhà máy Thọ Quang
+ Công trình của XN Thực phẩm

Số cuối năm	Số đầu năm
16.510.611.836	1.500.077.215
16.243.821.842	1.370.725.695
266.789.994	129.351.520

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
14 Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	1.982.287.179	2.612.608.330
Tổng cộng	1.982.287.179	2.612.608.330
15 Vay và nợ ngắn hạn		
Trong đó:		
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>76.027.525.015</i>	<i>112.106.278.271</i>
Vay ngân hàng Ngoại thương	59.948.525.015	110.329.153.271
Vay ngân hàng Eximbank		1.277.125.000
Vay Quỹ đầu tư phát triển Tp Đà Nẵng	5.000.000.000	500.000.000
Vay ngân hàng Á Châu	11.079.000.000	
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>-</i>	
Tổng cộng	76.027.525.015	112.106.278.271
16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT	13.064.717	
Thuế TNDN	4.094.829.361	
Thuế thu nhập cá nhân	28.557.407	
Thuế, phí, lệ phí		25.454.266
Tổng cộng	4.136.451.485	25.454.266
17 Chi phí phải trả		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả khác	1.797.864.878	
Tổng cộng	1.797.864.878	-
18 Các khoản phải trả, phải nộp khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội		502.161.419
Kinh phí công đoàn	527.049.246	287.543.024
Thu tiền mua cổ phần	17.376.950.000	
Phải trả cổ tức 2007,2008, 2009	11.042.570.630	1.892.235.630
Phải trả Ban giải toà đền bù	1.374.398.546	
Phải trả, phải nộp khác	196.363.636	2.643.534.069
Tổng cộng	30.517.332.058	5.325.474.142
20 Vay và nợ dài hạn		
Trong đó:		
<i>Vay dài hạn</i>	<i>47.939.306.698</i>	<i>47.269.269.821</i>
Vay ngân hàng Ngoại thương	21.900.000.000	16.000.000.000
Vay Quỹ đầu tư phát triển Tp Đà Nẵng	26.039.306.698	29.294.220.034
Vay ngân hàng Công thương Tp Đà Nẵng		1.975.049.787
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>-</i>	
Tổng cộng	47.939.306.698	47.269.269.821



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22 Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	53.857.641.965	965.474.082	-	-	998.630.439	113.305.000	-	(7.827.714.659)	48.107.336.827
Tăng vốn trong năm trước	816.969.035	155.703.283	-	-	1.319.820.280	235.682.193	-	-	2.528.174.791
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	4.713.643.856	4.713.643.856
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	(4.234.000)	9.651.702.582	9.647.468.582
Giảm vốn trong năm trước	11.611.000	29.391.545	-	-	-	-	-	6.537.631.779	6.578.634.324
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	54.663.000.000	1.091.785.820	-	-	2.318.450.719	348.987.193	(4.234.000)	-	58.417.989.732
Tăng vốn trong năm nay	-	-	4.249.796.467	-	-	-	-	-	4.249.796.467
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.360.453.181	8.565.499.002	1.231.179.103	-	24.738.940.002	24.738.940.002
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	2.134.433.331	4.249.796.467	-	-	24.738.940.002	31.123.169.800
Số dư cuối năm nay	54.663.000.000	1.091.785.820	4.249.796.467	(773.980.150)	6.634.153.254	1.580.166.296	(4.234.000)	-	67.440.687.687

(*) Trong năm, Công ty đã trích quỹ ĐTPT là 3.616.523.590 đồng, trích quỹ DPTC là 1.231.179.103 đồng, trích quỹ KTPL là 3.493.537.309 đồng và tạm chia cổ tức là 16.397.700.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b	Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vốn góp của nhà nước	17.318.000.000	17.318.000.000
	Vốn góp của các đối tượng khác	37.345.000.000	37.345.000.000
	Tổng cộng	54.663.000.000	54.663.000.000
c	Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	Vốn góp đầu năm	54.663.000.000	53.857.641.965
	Vốn góp tăng trong năm		816.969.035
	Vốn góp giảm trong năm		11.611.000
	Vốn góp cuối năm	54.663.000.000	54.663.000.000
	Cổ tức, lợi nhuận đã chia	Năm nay	Năm trước
	Tổng cộng	16.397.700.000	2.733.150.000
		16.397.700.000	2.733.150.000
d	Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành (cổ phiếu)	5.466.300	5.466.300
	Số lượng cổ phiếu đã bán ra (cổ phiếu)	5.466.300	5.466.300
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)</i>	5.466.300	5.466.300
	Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu)	400	400
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)</i>	400	400
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	5.465.900	5.465.900
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)</i>	5.465.500	5.465.900
	* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đ/1cp	10.000 đ/1cp
e	Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
	Quỹ đầu tư phát triển	6.634.153.254	2.318.450.719
	Quỹ dự phòng tài chính	1.580.166.296	348.987.193
	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.249.796.467	



Mục đích sử dụng và trích lập các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển: được sử dụng nhằm mục đích mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh của công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh, sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm.

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Các chi tiêu dưới đây được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND)

25	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2009	Năm 2008
	Doanh thu bán hàng	638.182.202.759	525.996.635.001
	Tổng cộng	638.182.202.759	525.996.635.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

		Năm 2009	Năm 2008
Các khoản giảm trừ doanh thu			
	Chiết khấu thương mại		
	Giảm giá hàng bán		247.738.235
	Hàng bán bị trả lại	11.992.929.714	5.366.481.120
	Tổng cộng	11.992.929.714	5.614.219.355
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		Năm 2009	Năm 2008
	Doanh thu bán hàng	626.189.273.045	520.382.415.646
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
	Tổng cộng	626.189.273.045	520.382.415.646
27	Giá vốn hàng bán	Năm 2009	Năm 2008
	Giá vốn hàng hoá đã bán	545.037.434.518	471.783.976.280
	Giá vốn dịch vụ đã cung cấp		
	Tổng cộng	545.037.434.518	471.783.976.280
26	Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2009	Năm 2008
	Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	6.547.562.573	3.981.938.944
	Chênh lệch tỷ giá	1.034.529.558	5.625.326.634
	Tổng cộng	7.582.092.131	9.607.265.578
28	Chi phí hoạt động tài chính	Năm 2009	Năm 2008
	Chi phí lãi vay	10.333.408.493	22.146.339.064
	Chi phí tài chính khác	1.387.871.257	510.228.758
	Tổng cộng	11.721.279.750	22.656.567.822
30	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2009	Năm 2008
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.246.313.334	1.319.820.280
	Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	-
	Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.246.313.334	1.319.820.280
	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2009	Năm 2008
	Chi phí nguyên vật liệu	448.169.816.449	384.493.772.505
	Chi phí nhân công	45.099.695.012	29.708.383.473
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.478.654.680	8.276.345.396
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.111.410.185	47.631.200.614
	Chi phí bằng tiền khác	14.017.072.508	6.444.418.972
	Tổng cộng	557.876.648.834	476.554.120.960

07-0
SẢN
Y TNP
AN P.
NAM
IANG
P. ĐÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

VIII Những thông tin khác

1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh.

- Các bên liên quan

Tên	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH một thành viên Thủy Sản An	Khu CNDV Thủy sản Thọ Quang	Công ty con

- Giao dịch với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ trước
Thủy sản An xuất hàng ủy thác cho Thuận Phước	33.493.109.321	27.080.678.180

- Số dư với các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải thu công ty TNHH MTV An		3.420.138.200
Nợ phải trả công ty TNHH MTV An	13.395.539	

2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31/12/2009 cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5 Thông tin so sánh:

Số liệu đầu kỳ là số liệu được lấy theo báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Phương Đông ICA- Chi nhánh Đà Nẵng (nay là công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam)

6 Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2009 không có hoạt động hoặc sự kiện nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định công ty sẽ hoạt động liên tục.

7 Những thông tin khác

Trong năm 2009 Công ty đã bán thêm cổ phiếu với giá trị 17.376.950.000 VND nhưng chưa đăng ký phát hành và chưa đăng ký tăng vốn điều lệ. Toàn bộ khoản tiền thu được hạch toán vào khoản phải trả, chờ sau khi hoàn tất các thủ tục sẽ ghi tăng vốn.

Kế toán trưởng

Thư



Đà Nẵng, ngày 09 tháng 02 năm 2010

Giám đốc

nh